

QUỐC HỘI KHÓA XIV  
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Số: 41/ĐĐBQH-VP

V/v đề nghị tổ chức hội nghị lấy ý kiến  
tham gia vào dự án luật



Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc lấy ý kiến góp ý vào Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thể dục, thể thao.

Để đảm bảo việc thảo luận, thông qua Dự án luật tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV đạt kết quả tốt, Đoàn ĐBQH tỉnh đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia của công chức, viên chức, người lao động thuộc sở và các tổ chức, cá nhân liên quan vào Dự án luật (có Dự án luật kèm theo).

Thời gian tổ chức: Hội nghị hoàn thành trước ngày 30/3/2018; thành phần dự Hội nghị do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch mời, đồng thời thông báo đến Đoàn ĐBQH tỉnh để phân công đại biểu Quốc hội cùng tham dự.

Sau khi kết thúc hội nghị, đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp ý kiến tham gia vào Dự án luật gửi về Đoàn ĐBQH tỉnh (qua Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh)/.

(Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Đ/c Nguyễn Duy Khoan, Chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh. Điện thoại: 0978.463.078)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo, CVVP;
- Lưu: VT.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH  
KT. TRƯỞNG ĐOÀN  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Tổng Thanh Bình





Số: ... /2018/QH14

*(Dự thảo)*

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
CỦA LUẬT THỂ DỤC, THỂ THAO**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Lợi dụng hoạt động thể dục, thể thao xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng con người, trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hoá dân tộc”.

b) Bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau:

“7. Tổ chức đặt cược thể thao trái phép; đặt cược thể thao trái phép”.

2. Bổ sung Điều 11 như sau:

a) Bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Thể dục, thể thao quần chúng là hoạt động tập luyện, thi đấu thể dục thể thao tự nguyện phù hợp với sở thích, điều kiện sức khỏe nhằm nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho người tập”.

b) Bổ sung khoản 7 và khoản 8 như sau:

“7. Tổ chức, cá nhân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, khai thác các công trình thể thao phục vụ hoạt động thể thao quần chúng.

8. Trẻ em, học sinh, sinh viên, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được giảm giá vé, giá sử dụng dịch vụ luyện tập thể dục, thể thao tại các cơ sở thể thao công lập.

Việc giảm giá vé, giá sử dụng dịch vụ luyện tập thể dục, thể thao được thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được đánh giá bằng các chỉ tiêu sau đây:

- a) Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên;
- b) Số gia đình thể thao;
- c) Số cộng tác viên thể dục, thể thao;
- d) Số câu lạc bộ thể thao;
- đ) Số công trình thể thao;
- e) Số giải thể thao tổ chức hằng năm”.

b) Bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết khoản 2 Điều này”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

a) Bổ sung khoản 1 và khoản 2 như sau:

“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức các giải thể thao sau:

a) Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho người khuyết tật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho các đối tượng học sinh, sinh viên và Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho lực lượng vũ trang theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi quyền hạn của mình quyết định tổ chức giải thi đấu từng môn thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam cho các đối tượng học sinh, sinh viên và lực lượng vũ trang”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 như sau:

“3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định tổ chức thi đấu thể thao quần chúng ở cấp quốc gia.

4. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức thi đấu thể thao quần chúng tại địa phương mình”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Nhà nước có chính sách dành đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường, bảo đảm đủ giáo viên, giảng viên thể dục thể thao cho các bậc học; phát triển môn bơi, võ cổ truyền và các môn thể thao dân tộc”.



b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan:

a) Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thể dục, thể thao cho hoạt động giáo dục thể chất ở các cấp học và trình độ đào tạo;

b) Quy định mức số lượng, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao của từng cấp học và trình độ đào tạo;

c) Xây dựng, ban hành chương trình giáo dục thể chất, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên thể dục thể thao, hướng dẫn nội dung hoạt động thể thao ngoại khóa trong nhà trường;

d) Ban hành tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực của học sinh, sinh viên”.

c) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trách nhiệm phối hợp của cơ sở thể thao công lập với cơ sở giáo dục để sử dụng các công trình thể thao phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức thực hiện chương trình môn học giáo dục thể chất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội”.

b) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển môn bơi, võ cổ truyền và các môn thể thao dân tộc; thành lập câu lạc bộ thể thao của học sinh, sinh viên”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 23 như sau:

“4. Được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định của Chính phủ.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“1. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp có trách nhiệm tổ chức thi đấu thể thao để phát triển phong trào thể dục, thể thao trong học sinh, sinh viên.

2. Nhà trường có trách nhiệm tổ chức thi đấu thể thao trong mỗi năm học phù hợp với điều kiện của nhà trường.

3. Nội dung, hình thức và các quy định về thi đấu thể thao phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của người học và điều kiện cơ sở vật chất”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Tổ chức huấn luyện và thi đấu thể thao ứng dụng nghiệp vụ phục vụ cho công tác, chiến đấu và thể thao thành tích cao”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Phát triển thể thao thành tích cao**

1. Thể thao thành tích cao là hoạt động huấn luyện và thi đấu thể thao có hệ thống của huấn luyện viên, vận động viên nhằm mục đích đạt được thành tích, kỷ lục thể thao.

2. Nhà nước có chính sách phát triển thể thao thành tích cao, đầu tư tập trung xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại; đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, huấn luyện viên đạt trình độ quốc gia, quốc tế; tổ chức thi đấu thể thao thành tích cao, tham gia các giải thể thao quốc tế; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thể thao thành tích cao; có chính sách đặc thù cho vận động viên nữ, huấn luyện viên nữ trong quá trình tập luyện, thi đấu”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

**“Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của vận động viên thể thao thành tích cao**

1. Vận động viên thể thao thành tích cao có các quyền sau đây:

- a) Được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện tập luyện và thi đấu thể thao;
- b) Được chăm sóc và chữa trị chấn thương trong thời gian tập luyện và thi đấu;
- c) Được hưởng chế độ dinh dưỡng đặc thù, tiền lương, tiền hỗ trợ tập luyện theo quy định của pháp luật;
- d) Được thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu thể thao;
- đ) Được tham gia và hưởng các chế độ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;
- e) Được bảo đảm việc học tập văn hoá, chính trị, chuyên môn;
- g) Vận động viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khoẻ, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật;
- h) Vận động viên không còn khả năng thi đấu thể thao được Nhà nước tạo điều kiện học nghề và giải quyết việc làm theo quy định của pháp luật; được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc tại các cơ sở thể thao;
- i) Trường hợp vận động viên đội tuyển quốc gia, vận động viên đội tuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, ngành bị tai nạn trong quá trình tập luyện, thi đấu thể thao làm mất khả năng lao động hoặc chết thì vận động viên, thân nhân của họ được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định của pháp luật.

2. Vận động viên thể thao thành tích cao có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Nỗ lực tập luyện, thi đấu giành thành tích cao;
- b) Thực hiện chương trình, giáo án tập luyện của huấn luyện viên;
- c) Chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao;



d) Rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức; nâng cao ý chí, lòng tự hào dân tộc.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm b, c, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều này”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 như sau:

**“Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của huấn luyện viên thể thao thành tích cao**

1. Huấn luyện viên thể thao thành tích cao có các quyền sau đây:

a) Được hưởng tiền lương và chế độ dinh dưỡng đặc thù theo quy định của pháp luật;

b) Được đảm bảo trang thiết bị huấn luyện;

c) Được học tập chính trị và nâng cao trình độ chuyên môn;

d) Được tham gia và hưởng các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn và bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Huấn luyện viên đạt thành tích xuất sắc trong các giải thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng các chế độ ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chăm sóc sức khỏe, tiền thưởng và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

2. Huấn luyện viên thể thao thành tích cao có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuyển chọn vận động viên;

b) Quản lý, giáo dục vận động viên;

c) Xây dựng và thực hiện kế hoạch chương trình huấn luyện thể thao sau khi được cơ quan sử dụng vận động viên phê duyệt;

d) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho vận động viên;

đ) Chấp hành quy định của luật thi đấu thể thao và điều lệ giải thể thao.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm a, d và đ khoản 1 Điều này.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 37 như sau:

**“Điều 37. Giải thi đấu thể thao thành tích cao**

1. Đại hội thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam.

2. Đại hội thể thao toàn quốc.

3. Giải thi đấu vô địch, giải thi đấu vô địch trẻ từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam.

4. Giải thi đấu vô địch quốc gia, giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia hàng năm từng môn thể thao.

5. Giải thi đấu, trận thi đấu do Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức.

6. Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do Liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

**“Điều 38. Thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao thành tích cao**

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức các giải thể thao quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định tổ chức các giải thể thao quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của các liên đoàn thể thao quốc gia.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định tổ chức các giải thể thao quy định tại khoản 5 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn thể thao quốc gia.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 6 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 7 Điều 37 của Luật này theo đề nghị của Chủ tịch Liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”

15. Bổ sung Điều 39a như sau:

**“Điều 39a. Thẩm quyền ban hành luật thi đấu của môn thể thao**

1. Chủ tịch Liên đoàn thể thao quốc gia quyết định ban hành luật thi đấu của môn thể thao hoặc quyết định áp dụng luật thi đấu của môn thể thao do Liên đoàn thể thao quốc tế ban hành.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định ban hành luật thi đấu của môn thể thao chưa thành lập Liên đoàn thể thao quốc gia”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

**“Điều 39. Thẩm quyền ban hành điều lệ giải thể thao thành tích cao**

1. Điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 1 và 3 Điều 37 của Luật này được thực hiện theo quy định của các tổ chức thể thao quốc tế.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt điều lệ Đại hội thể thao toàn quốc.

3. Chủ tịch Liên đoàn thể thao quốc gia phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 4 và 5 Điều 37 của Luật này.

Đối với những môn thể thao chưa có tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 4 và 5 Điều 37 của Luật này.



4. Chủ tịch liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 6 và 7 Điều 37 của Luật này.

Đối với những môn thể thao chưa có tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều lệ giải thể thao quy định tại khoản 6 và 7 Điều 37 của Luật này.”

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

**“Điều 40. Thủ tục đăng cai tổ chức giải thể thao thành tích cao**

1. Tổ chức đề nghị đăng cai tổ chức giải thể thao thành tích cao nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng điện tử 01 bộ hồ sơ đăng cai tổ chức giải theo quy định tại khoản 2 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức giải thi đấu thể thao thành tích cao.

2. Hồ sơ đăng cai tổ chức giải thể thao bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng cai tổ chức giải thể thao, trong đó nêu rõ tên giải thi đấu, mục đích tổ chức, dự kiến thời gian, địa điểm, số lượng vận động viên tham dự; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, nguồn tài chính và các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn khi tổ chức giải;

b) Điều lệ giải thể thao;

c) Chương trình thi đấu của giải thể thao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 1, 2 Điều 37 của Luật này quyết định việc tổ chức giải thể thao; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quyết định tổ chức giải thể thao quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 37 của Luật này quyết định việc tổ chức giải thể thao; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 44 như sau:

“2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân, thành lập các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp, đào tạo vận động viên, huấn luyện viên và tổ chức thi đấu thể thao chuyên nghiệp.

3. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động thể thao chuyên nghiệp”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 49 như sau:

**“Điều 49: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp**

1. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp là doanh nghiệp do tổ chức, cá nhân thành lập để thực hiện đào tạo, huấn luyện vận động viên và tổ chức thi đấu thể thao chuyên nghiệp; kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực thể thao và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

2. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp là thành viên của liên đoàn thể thao quốc gia.

3. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp phải tuân thủ các quy định của Liên đoàn thể thao quốc gia và Liên đoàn thể thao quốc tế khi tham gia các hoạt động thi đấu thể thao chuyên nghiệp do Liên đoàn thể thao quốc gia hoặc Liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 50 như sau:

**“Điều 50. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp**

1. Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao chuyên nghiệp của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp bao gồm:

a) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên thể thao đáp ứng yêu cầu của hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

b) Có vận động viên chuyên nghiệp, huấn luyện viên chuyên nghiệp.

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với hoạt động thể thao chuyên nghiệp.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này”.

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 51 như sau:

“3. Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp chỉ được kinh doanh hoạt động thể thao chuyên nghiệp khi đã được cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận;

b) Bản tóm tắt tình hình chuẩn bị các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 50 của Luật này.

Trong thời hạn 07 làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kiểm tra các điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 50 của Luật này để cấp giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54 như sau:

“2. Các loại hình hoạt động của cơ sở thể thao gồm doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao, đơn vị sự nghiệp thể thao, hộ kinh doanh hoạt động thể thao và các tổ chức khác kinh doanh hoạt động thể thao”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

**“Điều 55. Điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao**



1. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Điều kiện hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao bao gồm:

a) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động thể thao.

3. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao chỉ được hoạt động kinh doanh khi đã được cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này và Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện”.

24. Bổ sung Điều 56 như sau:

**“Điều 56. Hộ kinh doanh và các tổ chức khác kinh doanh hoạt động thể thao**

1. Hộ kinh doanh và các tổ chức khác kinh doanh hoạt động thể thao thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về doanh nghiệp.

2. Hộ kinh doanh và các tổ chức khác được kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 55 của Luật này”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 Điều 65 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trong quy hoạch xây dựng trường học, đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, doanh trại đơn vị vũ trang nhân dân phải dành quỹ đất để xây dựng công trình thể thao”.

b) Bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trường hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất dành cho công trình thể dục, thể thao, cơ quan có thẩm quyền phải bố trí quỹ đất tương ứng để thay thế”.

26. Bổ sung Điều 68a như sau:

**“Điều 68a. Đặt cược thể thao**

1. Đặt cược thể thao là hình thức giải trí có thưởng mà người tham gia đặt cược thực hiện dự đoán về kết quả có thể xảy ra trong các sự kiện thể thao được sử dụng để kinh doanh đặt cược.

2. Kinh doanh đặt cược thể thao phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Kinh doanh đặt cược là hoạt động kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược thể thao chỉ được hoạt động kinh doanh khi đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược thể thao;

c) Hoạt động kinh doanh đặt cược phải minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia;

d) Đồng tiền sử dụng để đặt cược, trả thưởng trong kinh doanh đặt cược là Việt Nam đồng.

3. Chính phủ quyết định Danh mục các hoạt động thể thao được phép kinh doanh đặt cược thể thao, quy định chi tiết về kinh doanh đặt cược thể thao”.

27. Bổ sung khoản 6 Điều 69 như sau:

“6. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các nhiệm vụ do Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.”

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 71 như sau:

“5. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các nhiệm vụ do Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Bổ sung khoản 12, 13 Điều 71 như sau:

12. Công nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao thành tích cao.

13. Công nhận câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp khi có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật này”.

29. Bổ sung Điều 78a như sau:

**“Điều 78a:** Sửa đổi, bổ sung mục 211 thuộc phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư như sau: “Kinh doanh hoạt động thể thao của doanh nghiệp; kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức khác.”.

30. Bãi bỏ Điều 79. Điều khoản thi hành.

## **Điều 2. Thay thế từ ngữ**

1. Thay thế cụm từ “chuẩn y” bằng cụm từ “phê duyệt” tại khoản 3 Điều 68, khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 72.

2. Thay đổi tên gọi cơ quan quản lý nhà nước về thể dục, thể thao

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban Thể dục thể thao” bằng cụm từ “Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch” tại các khoản 2, 3 Điều 5, khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 16, Điều 19, khoản 4 Điều 69, khoản 9 Điều 71.



b) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao” bằng cụm từ “Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 28, khoản 4 Điều 35, khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 42, điểm a khoản 2 Điều 57, khoản 4 Điều 61.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày      tháng      năm 2018.*

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**

